

Số: 47/TTTr-SNN

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Đề nghị điều chỉnh Đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ người
kinh nghèo sống ở vùng khó khăn tự nguyện trồng rừng thay
thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ giai
đoạn 2018- 2022 sang giai đoạn 2019-2023**

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2010 -2020;

Căn cứ Nghị định 75/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Ngày 06/02/2018 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang có quyết định số 223/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo sống ở vùng khó khăn tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2022.

Tuy nhiên đến nay trên địa bàn tỉnh việc triển khai thực hiện vẫn còn chậm, chưa triển khai được. Do vậy để đảm bảo thời gian, tiến độ triển khai thực hiện tốt đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ kinh nghèo sống ở vùng khó khăn tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy theo nội dung đề án, Sở Nông nghiệp và Phát Triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh thời gian triển khai thực hiện đề án từ giai đoạn 2018-2022 sang giai đoạn 2019 -2023. Mọi nội dung trong đề án giai đoạn 2018-2022 không thay đổi, chỉ đề nghị thay đổi về thời gian triển khai thực hiện đề án từ giai đoạn 2018-2022 chuyển sang giai đoạn 2019-2023, cụ thể:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Tên Đề án: Đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ người kinh nghèo sống ở vùng khó khăn tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018 – 2022 đề nghị chuyển thành “Đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ người kinh nghèo sống ở vùng khó khăn tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 – 2023”

2. Phạm vi thực hiện đề án: Trên địa bàn 25 xã thuộc 02 huyện Lục Ngạn, Lục Nam. Trong đó có 19 xã huyện Lục Ngạn và 6 xã thuộc huyện Lục Nam.

3. Cơ quan thực hiện Đề án: UBND huyện Lục Ngạn, Lục Nam trực tiếp thực hiện Đề án.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019-2023.

5. Nguồn gạo hỗ trợ và kinh phí thực hiện

- Nguồn gạo hỗ trợ: Từ Cục dự trữ quốc gia.

- Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh và huyện.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, góp phần đẩy nhanh phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái; hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ hộ nghèo; nâng cao nhận thức của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và góp phần nâng độ che phủ rừng của toàn tỉnh lên 39% vào năm 2023.

2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân các dân tộc tại địa phương có cuộc sống gắn bó với nghề rừng. Đồng thời, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Góp phần xóa dần những tập quán canh tác, phát nương làm rẫy không trồng rừng trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo công ăn việc làm, giảm thiểu tệ nạn xã hội, ổn định an ninh trật tự tại địa phương.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, song song với việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ, sản xuất, tăng cường công tác giao đất, giao rừng, cho thuê đất với các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng.

- Đồng bào các dân tộc trên địa bàn được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước, từ đó, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu xói mòn, bảo vệ đất, nâng độ che phủ rừng của toàn tỉnh lên 39% vào năm 2023.

3. Đối tượng được trợ cấp: Hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ thay thế nương rẫy trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời

gian chưa tự túc được lương thực trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2023 thuộc địa bàn hai huyện Lục Ngạn và Lục Nam tỉnh Bắc Giang (Khoản 1, điều 6 Thông tư số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT).

4. Mức trợ cấp

- Mức trợ cấp: Mức trợ cấp gạo được xác định cho từng hộ gia đình căn cứ vào diện tích nương rẫy thực tế chuyển đổi sang trồng rừng, mỗi ha 700kg/năm và mỗi nhân khẩu được trợ cấp bình quân 10kg/tháng (theo Quyết định số 508/2016/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang).

+ Hộ gia đình có số nhân khẩu nhiều, nhưng tham gia trồng rừng với diện tích ít, thì mức trợ cấp theo diện tích trồng rừng thực tế chuyển đổi, mỗi ha không quá 700kg/năm.

+ Hộ gia đình có nhân khẩu ít, nhưng tham gia chuyển đổi với diện tích nương rẫy nhiều, thì mức trợ cấp gạo tính theo khẩu là 10kg/tháng.

- Thời gian trợ cấp 03 năm (01 năm trồng và 02 năm chăm sóc).

5. Điều kiện trợ cấp gạo

- Hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ thay thế nương rẫy trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất thay thế nương rẫy.

6. Loại gạo trợ cấp

Là gạo tẻ thường, độ ẩm không quá 14%, không bị sâu mọt, nấm mốc từ Kho dự trữ Quốc gia.

7. Thực hiện trợ cấp gạo

- Hàng năm thực hiện trợ cấp gạo 01 lần sau khi được nghiệm thu kết quả trồng, chăm sóc rừng.

- Hàng năm UBND các huyện xây dựng kế hoạch tiếp nhận gạo cho các hộ thực hiện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thay thế nương rẫy trình UBND tỉnh phê duyệt. Bố trí tiếp nhận và cấp phát gạo đúng đối tượng và thời gian quy định.

8. Diện tích trồng và số lượng gạo hỗ trợ: Tổng diện tích trồng rừng thay thế nương rẫy là 2.300 ha; tổng số lượng gạo hỗ trợ là 4.830.000 kg, cụ thể:

- Huyện Lục Ngạn

+ Năm 2019 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 900 ha, số lượng gạo hỗ trợ 630.000 kg;

+ Năm 2020 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 700 ha, chăm sóc rừng trồng năm 2 là 900 ha số lượng gạo hỗ trợ 1.120.000 kg;

+ Năm 2021 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 190 ha, chăm sóc rừng trồng năm 2 là 700 ha, chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 900 ha số lượng gạo hỗ trợ là 1.253.000 kg;

+ Năm 2022 chăm sóc rừng trồng năm 2 là 190 ha, chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 700 ha số lượng gạo hỗ trợ là 623.000 kg;

+ Năm 2023 chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 190 ha số lượng gạo hỗ trợ là 133.000 kg.

- Huyện Lục Nam

+ Năm 2019 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 200 ha, số lượng gạo hỗ trợ 140.000 kg;

+ Năm 2020 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 200 ha, chăm sóc rừng trồng năm 2 là 200 ha số lượng gạo hỗ trợ 280.000 kg;

+ Năm 2021 trồng rừng thay thế nương rẫy diện tích 110 ha, chăm sóc rừng trồng năm 2 là 200 ha, chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 200 ha số lượng gạo hỗ trợ là 357.000 kg;

+ Năm 2022 chăm sóc rừng trồng năm 2 là 110 ha, chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 200 ha số lượng gạo hỗ trợ là 217.000 kg;

+ Năm 2023 chăm sóc rừng trồng năm 3 diện tích 110 ha số lượng gạo hỗ trợ là 77.000 kg.

9. Kinh phí hỗ trợ

- Tổng kinh phí: 2.551,5 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí xây dựng Đề án: 110 triệu đồng;

+ Kinh phí thiết kế trồng rừng: 690 triệu đồng;

+ Kinh phí quản lý, chỉ đạo: 1.150 triệu đồng.

+ Chi phí bốc dỡ và vận chuyển từ trung tâm huyện đến các xã : 601,5 triệu đồng (Bốc dỡ 241,5 triệu đồng, chi phí vận chuyển 360 triệu đồng).

- Phân theo nguồn vốn:

+ Ngân sách tỉnh: 110 triệu đồng (xây dựng Đề án);

+ Ngân sách huyện: 2.441,5 triệu đồng (*Chi phí quản lý, chỉ đạo: 1.150 triệu đồng; thiết kế trồng rừng: 690 triệu đồng; chi phí bốc dỡ và vận chuyển từ trung tâm huyện đến các xã: 601,5 triệu đồng*).

Kinh phí đầu tư trồng rừng lồng ghép các dự án hỗ trợ để trồng rừng thuộc chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, kinh phí sự nghiệp của huyện và vốn tự có của dân (chi phí nhân công) để thực hiện trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Sau 5 năm thực hiện Đề án, dự kiến các kết quả chính đạt được như sau:

1. Về kinh tế

- Chuyển khoảng 2.300 ha nương rẫy, sang trồng rừng tập trung, tạo công ăn việc làm cho trên 1.700 hộ dân với khoảng 8.000 người dân sở tại, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, giữ vững ổn định chính trị - xã hội địa phương góp phần xây dựng nông thôn mới ở miền núi.

- Nâng cao thu nhập từ kinh tế rừng, khi hoàn thành chuyển 2.300 ha rừng thay thế nương rẫy, sau một chu kỳ kinh doanh (trồng rừng từ 5 đến 7 năm) trữ lượng gỗ khai thác khoảng 280.000 m³, giá trị thu được ước đạt 350 tỷ đồng.

- Tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế có liên quan: Chế biến lâm, nông sản, dịch vụ, điện, nông nghiệp, du lịch sinh thái...

- Đảm bảo phát triển rừng trồng theo hướng thâm canh bền vững và đa dạng hóa sản phẩm, tăng thu nhập bình quân đầu người cho đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

2.2. Về xã hội

- Góp phần xóa dần những tập quán canh tác, phát nương làm rẫy không trồng rừng của đồng bào dân tộc thiểu số; tạo công ăn việc làm cho các hộ dân tộc thiểu số, hộ kinh nghèo tự nguyện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định thông qua hỗ trợ lương thực, góp phần tích cực vào chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Nhà nước, tạo động lực cho vùng sâu, vùng xa phát triển.

- Đồng bào các dân tộc, hộ người kinh nghèo được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước, từ đó, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Thông qua thu nhập từ rừng, nhận thức và ý thức bảo vệ rừng của người dân được nâng lên, hạn chế được tình trạng đốt phá rừng làm nương rẫy bừa bãi, giảm thiểu các tệ nạn xã hội, góp phần ổn định trật tự xã hội, dần xóa bỏ tập quán sản xuất lạc hậu; nhận thức của người dân về vai trò của rừng đối với cuộc sống ngày càng được tốt hơn, từ đó sức ép của người dân vào rừng tự nhiên sẽ giảm dần.

- Tạo cơ hội làm giàu cho một số hộ gia đình có tiềm năng kinh tế, có tư duy trong phát triển kinh tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất đạt năng suất, hiệu quả cao.

2.3. Về môi trường

Thực hiện Đề án làm tăng diện tích đất có rừng, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, điều tiết nguồn nước cho hệ thống các công trình thủy lợi của địa phương; nâng độ che phủ rừng của toàn tỉnh lên 39% vào năm 2023.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: Kiểm tra, giám sát; thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt hồ sơ theo quy định. Hàng năm tổng hợp số lượng gạo trợ cấp báo cáo UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra việc hỗ trợ gia

đình nghèo tham gia trồng rừng đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (vùng II và III) thuộc vùng miền núi tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy giai đoạn 2019 – 2023 trong thời gian chưa tự túc được lương thực đúng đối tượng, đảm bảo các quy định hiện hành của Nhà nước, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính: Căn cứ vào tiến độ thực hiện đề án bố trí kinh phí cho đề án; hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp kinh phí, thanh toán kinh phí NSNN hỗ trợ thực hiện Đề án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Ban dân tộc, Sở Lao động Thương

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ hàng năm hướng dẫn UBND các huyện Lục Ngạn và Lục Nam phân loại hộ nghèo thuộc vùng đặc biệt khó khăn (vùng II và III) để triển khai tổ chức thực hiện.

3. Các ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND huyện Lục Ngạn và Lục Nam tổ chức thực hiện Đề án.

4. UBND các huyện Lục Ngạn và Lục Nam

- UBND huyện Lục Ngạn, Lục Nam thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án hỗ trợ gạo trồng rừng thay thế nương rẫy, giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan (BQL rừng phòng hộ, Hạt Kiểm lâm, UBND các xã có liên quan,...) trực tiếp triển khai thực hiện Đề án.

- Hàng năm bố trí kinh phí từ ngân sách huyện hỗ trợ cho công tác Thiết kế trồng, chăm sóc rừng trồng, lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán; chi phí vận chuyển, bốc xếp từ trung tâm huyện đến các xã và chi phí cho công tác quản lý chỉ đạo thực hiện đề án.

- Chỉ đạo việc rà soát, lập danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ người kinh nghèo tự nguyện tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng cần được hỗ trợ gạo đảm bảo chính xác, dân chủ, công khai, kịp thời.

- Căn cứ kế hoạch hỗ trợ gạo của cấp có thẩm quyền, UBND huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo, tiếp nhận, cấp phát gạo hỗ trợ trực tiếp đến tận hộ đồng bào dân tộc thiểu số, người kinh nghèo trong thời gian chưa tự túc được lương thực đúng đối tượng và thời gian quy định.

- Phối hợp với các ngành có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn.

5. Báo Bắc Giang, Đài PTTT Bắc Giang: Tổ chức tuyên truyền vận động và phổ biến các chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình nghèo tham gia trồng, chăm sóc rừng đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (vùng II và III) thuộc vùng miền núi tự nguyện trồng rừng thay thế nương rẫy giai đoạn 2019 – 2023 trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

(Có Đề án hỗ trợ gạo kèm theo)

Vậy Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. *Thư*

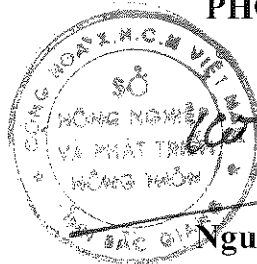
Nơi nhận: *Thư*

- Như trên;
- Lưu: VT, CCKL.

Bản điện tử:

- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC- Sở;
- Chi cục Kiểm lâm.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Doanh